



Báo cáo

Đánh giá rủi ro thiên tai

và thích ứng biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng

xã Điền Môn, Phong Điền, Thừa Thiên Huế

MỤC LỤC

A. Giới thiệu chung	4
1. Vị trí địa lý	4
2. Đặc điểm địa hình.....	4
3. Đặc điểm thời tiết khí hậu	5
4. Xu hướng thiên tai, khí hậu	Error! Bookmark not defined.
5. Phân bố dân cư, dân số	5
6. Hiện trạng sử dụng đất đai.....	5
7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế.....	6
B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã	8
1. Lịch sử thiên tai	8
2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH	9
3. Số họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH	10
4. Đối tượng dễ bị tổn thương.....	11
5. Hạ tầng công cộng	11
a) Điện	11
b) Đường và cầu cống	12
c) Trường	13
d) Cơ sở Y tế	13
e) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa	13
f) Chợ	14
6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè)	14
7. Nhà ở	14
8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường	14
9. Hiện trạng diều bệnh phổ biến.....	15
10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý	15
11. Hoạt động sản xuất kinh doanh	16
12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	17
13. Phòng chống thiên tai/TÝBĐKH.....	18
14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác.....	19
15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TÝBĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ).....	19
C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã	21
1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng.....	21
2. Hạ tầng công cộng	22
3. Công trình thủy lợi	23
4. Nhà ở	24
5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường	25
6. Y tế và quản lý dịch bệnh	26
7. Giáo dục	26
8. Rừng	27
9. Trồng trọt.....	28
10. Chăn nuôi	29
11. Thủy Sản.....	30

12. Du lịch	Error! Bookmark not defined.
13. Buôn bán và dịch vụ khác.....	31
14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	33
15. Phòng chống thiên tai/TUBĐKH	33
16. Giới trong PCTT và BĐKH.....	34
17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác.....	Error! Bookmark not defined.
D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp	35
1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH	35
2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH.....	36
3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã	Error! Bookmark not defined.
4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã	39
E. Phụ lục	41
1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá.....	41
2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn.....	41
3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá	48
Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai	51

A. Giới thiệu chung

Báo cáo được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của Luật Phòng chống thiên tai (Luật PCTT) và yêu cầu thực tiễn của Đề án 1002 về Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trong bối cảnh các tác động của biến đổi khí hậu đang ngày càng gia tăng tại Việt Nam, đòi hỏi cộng đồng dân cư cần củng cố kịp thời các giải pháp giảm rủi ro thiên tai và thích ứng theo hướng bền vững và lâu dài hơn.

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội của xã.

Các thông tin đánh giá rủi ro thiên tai được thu thập dựa trên các thông tin cơ bản của một số bản đồ thiên tai hiện có của Tỉnh do Tổng cục PCTT và các sở ban ngành tỉnh cung cấp, cũng như kết quả dự báo kịch bản biến đổi khí hậu của Bộ TNMT, là một trong các cơ sở quan trọng để hỗ trợ xã Xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai; theo dõi, giám sát thiên tai (Theo điều 17 Luật PCTT).

Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai (Điều 15, Luật PCTT) và lồng ghép nội dung Phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (Điều 16, Luật PCTT)

1. Vị trí địa lý

Xã Điền Môn là một xã vùng biển nằm về phía Đông Bắc của huyện Phong Điền, cách huyện lỵ 17km.

- Phía Đông giáp xã Điền Lộ
- Phía Tây giáp xã Điền Hương
- Phía Bắc giáp biển Đông
- Phía Nam giáp xã Phong Chương

2. Đặc điểm địa hình

Đặc điểm địa bàn của xã:

Điền Môn là một xã vùng đầm phá ven biển thuộc huyện Phong Điền có tuyến đường Quốc lộ 49 đi qua và có sông Ô Lâu chảy qua rất thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa, đi lại của nhân dân và có chiều dài bờ biển 2,4km. Là địa bàn có diện tích đất nông nghiệp không lớn so với toàn huyện, chủ yếu là đất cát, cát pha và bùn pha, thuận lợi cho việc phát triển sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, đặc biệt vùng cát ven biển để thuận lợi phát triển loại hình trang trại nông lâm kết hợp và nuôi trồng thủy sản.

Tuy đặc điểm về địa hình cơ bản thuận lợi, nhưng xã vẫn có nhiều loại hình thiên tai xảy ra trong những năm qua làm thiệt hại về tài sản, tính mạng và làm ảnh hưởng đến nhiều hoạt động kinh tế xã hội của xã.

Đặc điểm thủy văn

- Thuộc lưu vực sông Ô Lâu

3. Đặc điểm thời tiết khí hậu

TT	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của Thừa Thiên Huế năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	Nhiệt độ trung bình	Độ C	24		Tăng 1,9 °C
2	Nhiệt độ cao nhất	Độ C	38-39	5-7	Tăng thêm khoảng 1,3-2,6°C
3	Nhiệt độ thấp nhất	Độ C	19-20	11-12	Tăng thêm/Giảm khoảng 1,6-1,8°C
4	Lượng mưa Trung bình	mm	2.500- 2.700	10-11	Tăng thêm khoảng 25.1 mm

4. Xu hướng thiên tai, khí hậu

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của Thừa Thiên Huế năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			X	
2	Xu hướng bão			X	
3	Xu hướng lũ			X	
4	Số ngày rét đậm		X		
5	Mực nước biển tại các trạm hải văn			X	
6	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			X	

5. Phân bố dân cư, dân số

TT	Thôn	Số hộ	Số hộ phụ nữ làm chủ hộ	Số khẩu			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo
				Tổng	Nữ	Nam		
1	1 Vĩnh Xương	175	38	817	426	391	14	17
2	2 Vĩnh Xương	156	34	624	326	298	13	13
3	1 Kế Môn	247	76	939	492	447	16	8
4	2 Kế Môn	320	83	1382	711	671	17	19
Tổng số		898	231	3.762	1.955	1.807	60	57

6. Hiện trạng sử dụng đất đai

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	1639,10
1	Nhóm đất Nông nghiệp	1138,08

1.1	Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp	465,4
1.1.1	Đất lúa nước	315,28
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)	24,02
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	126,10
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	
1.2	Diện tích Đất lâm nghiệp	423,80
1.2.1	Đất rừng sản xuất	134,68
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	289,13
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	
1.3	Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản	248,88
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	17,78
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	171,10
1.4	Đất làm muối	
1.5	Diện tích Đất nông nghiệp khác (Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ương tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)	
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	359,46
3	Diện tích Đất chưa Sử dụng	141,56
	Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng	
	- Đất nông nghiệp	75
	- Đất ở	80

7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

TT	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Năng suất lao động bình quân/hộ	Tỉ lệ phụ nữ tham gia chính
1	Trồng trọt	21,95	557	31,67(ha)	60
2	Chăn nuôi	5,99	140	34	90
3	Nuôi trồng thủy sản	3,78	15	1,18 (ha)	50
4	Đánh bắt thủy sản trên sông	0,56	38	2,2 (tấn)	50
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp)	8,14	29	22,5 (triệu VND/năm)	10
6	Buôn bán	12,21	47	20,8 (triệu	90

				<i>VND/năm</i>	
7	<i>Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v</i>	19,55	68	<i>23,1 (triệu VND/năm)</i>	40

B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã

1. Lịch sử thiên tai

Thán g/năm xảy ra	Loại thiên tai	Số thôn bị ảnh hưởng	Tên thôn	Thiệt hại chính		Số lượng	
						Nam	Nữ
11/20 13	Bão	2 thôn	Thôn 1 Kế Môn, Thôn 2 Kế Môn	1. Số người chết/mất tích:			
				2. Số người bị thương:	0	0	
				3. Số nhà bị thiệt hại:	3	0	
				4. Số trường học bị thiệt hại:	0	0	
				5. Số trạm y tế bị thiệt hại:	0	0	
				6. Số km đường bị thiệt hại:	0	0	
				7. Số ha rừng bị thiệt hại:	0	0	
				8. Số ha ruộng bị thiệt hại:	0	00	
				9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0	0	
				10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	0	0	
				11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	0	0	
				1. Các thiệt hại khác...:	0	0	
				13. Ước tính thiệt hại kinh tế:			
11/20 16	Bão	2 thôn	Thôn 1 Vĩnh Xương Thôn 2 Vĩnh Xương	3. Số nhà bị thiệt hại:		15	
11/20 17	Lũ	4 thôn	Thôn 1 Vĩnh Xương Thôn 2 Vĩnh Xương Thôn 1 Kế Môn, Thôn 2 Kế Môn	Số ha hoa màu bị thiệt hại	21		
				<i>Đê bị hư hại (m)</i> <i>Mương phân lũ bị hư hại (m)</i>	10 50		
6/201 6	Lũ	4 thôn	Thôn 1 Kế Môn, Thôn 2 Kế Môn	Số ha ruộng lúa bị thiệt hại	50		
5/201 2	Sét	1	Thôn 1 Kế Môn	Số người chết/mất tích:	1		
1/201 2	Rét	2	Thôn 1 Kế Môn, Thôn 2 Kế Môn	Số ha ruộng lúa bị thiệt hại	120		

2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH

ST T	Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến ¹	Liệt kê các thôn thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai	Mức độ thiên tai hiện tại (Cao/Trung Bình/Thấp)	Xu hướng thiên tai theo kịch bản BĐKH 8.5 vào năm 2050 (Tăng, Giảm, Giữ nguyên)	Mức độ thiên tai theo kịch bản (Cao/Trung Bình/Thấp)
1	Bão	Thôn 1 Vĩnh Xương Thôn 2 Vĩnh Xương Thôn 1 Kế Môn Thôn 2 Kế Môn	Trung bình	Tăng	Cao
2	Lũ lụt	Thôn 1 Vĩnh Xương Thôn 2 Vĩnh Xương Thôn 1 Kế Môn Thôn 2 Kế Môn	Trung bình	Tăng	Cao
3	Rét đậm	Thôn 1 Vĩnh Xương Thôn 2 Vĩnh Xương Thôn 1 Kế Môn Thôn 2 Kế Môn	Trung bình	Tăng	Cao
4	Sét	Thôn 1 Kế Môn	Thấp	Giữ nguyên	Thấp

¹ Theo Quy định của các loại hình thiên tai được quy định trong luật PCTT

3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH



4. Đối tượng dễ bị tổn thương

T T	Thôn	Đối tượng dễ bị tổn thương														
		Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-18 tuổi		Phụ nữ có thai *	Người cao tuổi		Người khuyết tật		Người bị bệnh hiểm nghèo		Người nghèo		Người dân tộc thiểu số	
		N ữ	Tổ ng	Nữ	Tổ ng		Nữ	Tổ ng	Nữ	Tổ ng	N ữ	Tổ ng	N ữ	Tổ ng	N ữ	Tổ ng
1	1 Vĩnh Xương	10	23	22	58	10	47	82	6	18	2	3	12	19		
2	2 Vĩnh Xương	4	10	57	108	11	65	110	5	11	3	6	13	16		
3	1 Kế Môn	5	9	40	91	8	107	169	5	18	1	3	10	23		
4	2 Kế Môn	35	70	114	225	19	45	80	5	26			9	16		
	Tổng	54	92	233	482	48	264	441	21	73	6	12	44	74		

5. Hạ tầng công cộng

a) Điện

TT	Hệ thống điện	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị tính	Hiện trạng	
					Kiên cố	Chưa kiên cố
1	Cột điện	Thôn 1 Vĩnh Xương Thôn 2 Vĩnh Xương Thôn 1 Kế Môn Thôn 2 Kế Môn	1995 2013	Cột	503	99 15 30 14 40
2	Dây điện	Thôn 1 Vĩnh Xương Thôn 2 Vĩnh Xương Thôn 1 Kế Môn Thôn 2 Kế Môn		Km	42,5	4,6
3	Trạm điện	Thôn 1 Vĩnh Xương Thôn 2 Vĩnh Xương		Trạm	03	06

		<i>Thôn 1 Kế Môn</i> <i>Thôn 2 Kế Môn</i>				
Ghi chú khác						

b) Đường và cầu cống

TT	Đường, Cầu cống	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Nhựa	Bê Tông	Đất
	Đường						
1	Đường quốc lộ	<i>Thôn 1 Vĩnh Xương</i> <i>Thôn 2 Vĩnh Xương</i> <i>Thôn 1 Kế Môn</i> <i>Thôn 2 Kế Môn</i>		Km	4,25		
2	Đường tỉnh/huyện	<i>Thôn 1 Vĩnh Xương</i> <i>Thôn 2 Vĩnh Xương</i> <i>Thôn 1 Kế Môn</i> <i>Thôn 2 Kế Môn</i>		Km		3,8	
3	Đường xã	<i>Thôn 1 Vĩnh Xương</i> <i>Thôn 2 Vĩnh Xương</i> <i>Thôn 1 Kế Môn</i> <i>Thôn 2 Kế Môn</i>		Km		4,25	
4	Đường thôn	<i>Thôn 1 Vĩnh Xương</i> <i>Thôn 2 Vĩnh Xương</i> <i>Thôn 1 Kế Môn</i> <i>Thôn 2 Kế Môn</i>		Km		11,503	
5	Đường nội đồng	<i>Thôn 1 Vĩnh Xương</i> <i>Thôn 2 Vĩnh Xương</i> <i>Thôn 1 Kế Môn</i> <i>Thôn 2 Kế Môn</i>		km		15,897	9,967
Ghi chú khác							

c) Trường

TT	Trường	Thôn ²	Năm xây dựng	Số phòng	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Mầm non ³	Thôn 1 Kế Môn	2014	12	12	0	2 khu vui chơi của trẻ
2	Trường Tiểu học	Thôn 2 Vĩnh Xương	2008	14	14	0	0
3	Trường THCS	Thôn 1 Kế Môn	2003	18	18	0	0
<i>Ghi chú khác</i>							
<i>Hướng dẫn điền</i>							

d) Cơ sở Y tế

TT	Cơ sở Y tế	Thôn	Năm xây dựng	Số Giường	Số phòng	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Trạm y tế	Thôn 2 Vĩnh Xương	2008	5	11	11	0	0
<i>Ghi chú khác</i>								

e) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa

TT	Trụ sở	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Trụ Sở UBND	Thôn 2 Vĩnh Xương	2002 2014	Phòng	15	7	
2	Nhà văn hóa xã	Thôn 2 Vĩnh Xương	1990	Cái		1	
3	Nhà văn hóa thôn	<i>Thôn 1 Vĩnh Xương</i> <i>Thôn 2 Vĩnh Xương</i> <i>Thôn 1 Kế Môn</i> <i>Thôn 2 Kế Môn</i>	1986 2016	Cái		1 1 1 1	
<i>Ghi chú khác 1</i>							

² Nếu trường thuộc quản lý của huyện nhưng nằm tại thôn/xã này thì vẫn phải thống kê

³ Nếu có nhiều điểm trường thì phải thống kê từng điểm trường

f) Chợ

TT	Chợ	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Chợ huyện/xã	Thôn 2 Kế Môn	2012	Cái	1		
<i>Ghi chú khác</i>							

6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè)

TT	Hạng mục	Đơn vị	Năm xây dựng	Số lượng			
				Kiên cố	Bán kiên cố	Chưa kiên cố (không an toàn)	
1	Đê sông Ô lâu	km	2008	4,5			
2	Kè khe làng	Km	2010	1,8		0,75	
3	Kè phân lũ Hương Môn	Km	2014	0,8		1	
4	Kênh mương	Km		5,5		2,5	
5	Trạm bơm	Cái		0	6		
<i>Ghi chú khác</i>							

7. Nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố	Nhà đơn sơ
1	1 Vĩnh Xương	175	7	178	1	
2	2 Vĩnh Xương	156	21	135		6
3	1 Kế Môn	247	10	222		5
4	2 Kế Môn	320	30	160	6	3
	Tổng	898	68	595	7	14
<i>Ghi chú khác</i>						

8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

STT	Tên thôn	Số hộ	Số hộ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt					Số hộ sử dụng nhà vệ sinh		
			Giếng (đào/khoan)	Nước máy	Trạm cấp nước công cộng	Tự chảy	Bể chứa nước	Hợp vệ sinh (tự hoại, bán tự hoại)	Tạm	Không có
1	1 Vĩnh Xương	175	1	174	0	0	0	175	0	0
2	2 Vĩnh Xương	156	0	156	0	0	0	156	0	0
3	1 Kế Môn	247	55	243	0	0	0	247	0	0
4	2 Kế Môn	320	160	314	0	0	0	314	0	6
	Tổng	898	216	887	0	0	0	892	0	6
<i>Ghi chú khác</i>										

9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến:

8 tháng đầu năm 2018

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật
1	Viêm đường hô hấp	30	20	20	15	5
2	Số ca bệnh phụ khoa (thường do đk nước sạch và vệ sinh không đảm bảo)		50			
3	Tăng huyết áp		22	20	25	
4	Hen phế quản		3	4	6	
<i>Ghi chú khác</i>						

10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý

T T	Loại rừng	Năm trồng rừng	Thôn	Tổng diện tích (ha)	Tỷ lệ thành rừng	Các loại cây được trồng bản địa	Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng	Diện tích do dân làm chủ rừng
	Rừng ngập mặn			0	0	0	0	0
	Rừng trên cát	2005	Thôn 1 Vĩnh Xương	52,72	100%	Keo lười liềm, tràm hoa vàng	Cây	52,72
			Thôn 2 Vĩnh			Keo lười	Cây	70,3

			<i>Xương</i>	70,3	100%	liềm, tràm hoa vàng		
			<i>Thôn 1 Kế Môn</i>	105,45	100%	Keo lười liềm, tràm hoa vàng	Cây	105,45
			<i>Thôn 2 Kế Môn</i>	123,03	100%	Keo lười liềm, tràm hoa vàng	Cây	123,03
	Rừng tự nhiên		<i>Thôn 1 Vĩnh Xương</i>	10,02	100%	Cây bản địa	0	0
			<i>Thôn 2 Vĩnh Xương</i>	13,36	100%	Cây bản địa	0	0
			<i>Thôn 1 Kế Môn</i>	20,04	100%	Cây bản địa	0	0
			<i>Thôn 2 Kế Môn</i>	23,38	100%	Cây bản địa		
	Diện tích quy hoạch trồng <u>rừng ngập mặn</u> nhưng chưa trồng	0	0	0	0	0	0	0
	Diện tích quy hoạch trồng <u>rừng trên cát</u> nhưng chưa trồng		<i>Thôn 1 Vĩnh Xương</i>	2,5				
			<i>Thôn 2 Vĩnh Xương</i>	2,5				
			<i>Thôn 1 Kế Môn</i>	2,5				
			<i>Thôn 2 Kế Môn</i>	2,5				
	Rừng khác		0	0	0	0	0	0
	Tổng			428,3				

Ghi chú khác: Các lưu ý về chủ rừng khác: doanh nghiệp, lâm trường, v.v.

11. Hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị tính	Số lượng	Số hộ tham gia	Tỷ lệ nữ	Đặc điểm sản xuất kinh doanh	
						Tiềm năng phát	Tỷ lệ (%) thiệt

						triển (*)	hại (**)
1	Trồng trọt - Lúa - Hoa màu - Cây lâu năm - Cây hàng năm - Cây ăn quả	Ha	315,28 126,13 2,02 0,5	557	30%	Lúa chất lượng cao, cây ném, dưa	50%
2	Chăn nuôi - Gia súc - Gia cầm	Con	2.850 23.000	140	50%	Chăn nuôi bò	10%
3	Thủy Hải Sản Đánh bắt - Thuyền đánh cá trên sông	Thuyền	38	38	50%		10%
4	Thủy hải sản Nuôi trồng - Bãi nuôi - Ao, hồ nuôi - Lồng bè	Ha lồng	17,78 05 Cái	15 5	50% 50%		50%
5	Buôn bán và dịch vụ khác		115	115	90%		10%

Ghi chú khác

Các lưu ý về chủ rừng khác: doanh nghiệp, lâm trường, v.v.

12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

T T	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Địa bàn Thôn
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	90	
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	90	
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	Loa	28	
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn	%	85	
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	0	
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Hộ	60	
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	675	

Ghi chú khác

13. Phòng chống thiên tai/TUBĐKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm	Thôn	4	Liệt kê tên thôn - 1 Vĩnh Xương - 2 Vĩnh Xương - 1 Kế Môn - 2 Kế Môn
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	03	- THCS Phú Thạnh - Tiểu học Điền Môn - Mầm non Điền Môn
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua tại xã	Lần	01	
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	27	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	03	
	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRT-DVCD hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu	Người	27 (03 nữ)	
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã	Người	100	
	Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	20	
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TUBĐKH dựa vào cộng đồng	Người	02	
	Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	01	
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:			
	- Ghe, thuyền:	Chiếc	32	
	- Áo phao	Chiếc	30	
	- Loa	Chiếc	02	
	- Đèn pin	Chiếc	30	
3	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	01	
	- Lều bạt	Chiếc	01	
	- Xe vận tải	Chiếc	01	
8	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng			
	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Đơn vị		
9	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị		

10	Khác....				
<i>Ghi chú khác</i>					

14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

Các lĩnh vực/ ngành khác không có những rủi ro lớn

15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TUBĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)

T T	Liệt kê các loại Kiến thức, Kinh nghiệm & Công nghệ	Thôn 1 Vĩnh Xương	Thôn 2 Vĩnh Xương	Thôn 1 Kế Môn	Thôn 2 Kế Môn	Khả năng của xã (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục)	Cao 70% người dân có kiến thức, kinh nghiệm	Cao 70% người dân có kiến thức, kinh nghiệm	Cao 70% người dân có kiến thức, kinh nghiệm	Cao 70% người dân có kiến thức, kinh nghiệm	Cao
2	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng					
	- Điện	TB	TB	TB	TB	TB
	- Đường và cầu cống	TB	TB	TB	TB	TB
	- Trường	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	- Trạm	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	- Trụ sở UBND, Nhà Văn hóa	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	- Chợ				TB	Cao
3	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi	80 % công trình	80 % công trình	80 % công trình	80 % công trình	
4	Kỹ năng và kiến thức chống nhà cửa	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
5	Kiến thức giữ gìn vệ sinh và môi trường	90 % hộ dân	90 % hộ dân	90 % hộ dân	90 % hộ dân	Cao
6	Khả năng kiểm soát dịch bệnh của đơn vị y tế Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
7	Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao

8	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
9	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	Khả năng của thôn (Cao, Trung Bình, Thấp)					

C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã

1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	1 Vĩnh Xương	175	- Có 84 người ở trong những nhà chưa được an toàn - 50 % người dân chưa biết bơi -95% hộ không có trang bị áo phao, phao	Có 7 nhà cao tầng Có 17 điểm sơ tán lụt	Chết người	Thấp
	2 Vĩnh Xương	156	- Có 60 người ở trong những nhà chưa được an toàn - 50 % người dân chưa biết bơi-95% hộ không có trang bị áo phao, phao	Có 21 nhà cao tầng Có 22 điểm sơ tán lụt	Chết người	Thấp
	1 Kế Môn	247	- Có 42 người ở trong những nhà chưa được an toàn - 50 % người dân chưa biết bơi -95% hộ không có trang bị áo phao, phao	Có 10 nhà cao tầng Có 22 điểm cao sơ tán lụt	Chết người	Thấp
	2 Kế Môn	320	- Có 54 người ở trong những nhà chưa được an toàn - 50 % người dân chưa biết bơi -95% hộ không có trang bị áo phao, phao	Có 30 nhà cao tầng Có 40 điểm cao sơ tán lụt	- Chết người	Thấp
Bão	1 Vĩnh Xương	175	766 người ở trong các nhà chưa an toàn do bão 40% người dân còn chưa ý thức chấp hành việc sơ tán	7 nhà kiên cố điểm sơ tán tập trung trường Tiểu học có 14 phòng học kiên cố	Chết người	Trung bình
	2 Vĩnh Xương	156	592 người ở trong các nhà chưa an toàn	- 21 nhà kiên cố - điểm sơ tán tập		Trung bình

		do bão 40% người dân còn chưa ý thức chấp hành việc sơ tán	trung trường Tiểu học có 14 phòng học kiên cố	Chết người	
1 Kế Môn	247	953 người ở trong các nhà chưa an toàn do bão 40% người dân còn chưa ý thức chấp hành việc sơ tán	- 10 nhà kiên cố - điểm sơ tán tập trung trường THCS có 18 phòng học kiên cố, trường Mầm non có 12 phòng học kiên cố	Chết người	Trung bình
2 Kế Môn	320	710 người ở trong các nhà chưa an toàn do bão 40% người dân còn chưa ý thức chấp hành việc sơ tán	- 30 nhà kiên cố - điểm sơ tán tập trung trường Tiểu học có 14 phòng học kiên cố, trường Mầm non có 12 phòng học kiên cố	Chết người	Trung bình
....	<i>Ghi chú khác</i>				

2. Hạ tầng công cộng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Thôn 1 Vĩnh Xương Thôn 2 Vĩnh Xương Thôn 1 Kế Môn Thôn 2 Kế Môn		- 9,9 km đường nội đồng là đường đất	- 15,8km đường nội đồng bằng bê tông - 11,5km đường các thôn là đường bê tông - 8 km đường huyện, xã là đường bê tông - 4,25 km đường Q149 là đường nhựa	Đường nội đồng hư	Trung bình
	Thôn 1 Vĩnh Xương Thôn 2 Vĩnh Xương Thôn 1 Kế Môn Thôn 2 Kế Môn		4,3 km đường tránh lũ giữa các thôn lên vùng cát còn là đường đất, khó đi		Hư đường ảnh hưởng đến người dân	Trung bình

Bão	Thôn 1V. Xương		15 trụ điện dân đúc không đảm bảo an toàn 10,6 km dây điện trần	80 cột điện kiên cố	Cột điện gãy Dây điện đứt	Trung bình Trung bình
	Thôn 2V. Xương		30 trụ điện dân đúc không đảm bảo an toàn 3km dây điện trần	73 trụ điện kiên cố	cột điện gãy Dây điện đứt	Trung bình Trung bình
	Thôn 1 Kế Môn		14 trụ điện dân đúc không đảm bảo an toàn 1,7 km dây điện trần	37 cột điện kiên cố	Cột điện gãy Dây điện đứt	Trung bình Trung bình
	Thôn 2 Kế Môn		40 trụ điện dân đúc không đảm bảo an toàn 3km dây điện trần	92 cột điện kiên cố	Cột điện gãy Dây điện đứt	Trung bình Trung bình
	Thôn 1 Vĩnh Xương		Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn xây dựng đã lâu, xuống cấp		Sập nhà sinh hoạt cộng đồng	Trung bình
	Thôn 2 Vĩnh Xương		Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn xây dựng đã lâu, xuống cấp		Sập nhà sinh hoạt cộng đồng	Trung bình
....	Ghi chú khác					

3. Công trình thủy lợi

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Thôn 1 Vĩnh Xương Thôn 2 Vĩnh Xương Thôn 1 Kế Môn Thôn 2 Kế Môn		- 0,75 km kè chưa kiên cố - 2,5km kènh mương nội đồng chưa kiên cố - 4,8 km mương tách nước cát bằng cát, nhiều đoạn hẹp, cống	- 1,8 km kè kiên cố - 5,5 km kènh mương kiên cố	Kè vỡ Kènh mương hư hại Mương tách nước cát bị vùi lấp	Thấp Thấp Trung bình

			thoát nhỏ dễ bị vùi lấp, làm nước tràn xuống đồng ruộng	- Có 6 trạm bơm tưới và tiêu.		
Bão	Thôn 1 Vĩnh Xương Thôn 2 Vĩnh Xương Thôn 1 Kế Môn Thôn 2 Kế Môn		- Có 6 trạm bơm tưới và tiêu.		Hư hại trạm bơm	Thấp

Ghi chú khác

4. Nhà ở

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỬBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	2 Vĩnh Xương	156	06 nhà đơn sơ	21 nhà cao tầng	Hư hại nhà	Thấp
	1 Kế Môn	247	05 nhà đơn sơ	10 nhà cao tầng	Hư hại nhà	Thấp
	2 Kế Môn	320	03 nhà đơn sơ	30 nhà cao tầng	Hư hại nhà	Thấp
Bão	1 Vĩnh Xương	175	- Có 01 nhà thiếu kiên cố; - 178 nhà bán kiên cố - 35% người dân còn chủ quan chưa chằng chống nhà cửa	Có 7 nhà kiên cố - 65% người dân có ý thức trong việc gia cố, chằng chống nhà cửa	Nhà sập Nhà tốc mái	Trung bình Cao
	2 Vĩnh Xương	156	- Có 06 nhà đơn sơ - 135 nhà bán kiên cố - 35% người dân còn chủ quan chưa chằng chống nhà cửa	Có 21 nhà kiên cố - 65% người dân có ý thức trong việc gia cố, chằng chống nhà cửa	Nhà sập Nhà tốc mái	Cao Trung bình
	1 Kế Môn	247	- Có 05 nhà đơn sơ - 222 nhà bán kiên cố - 35% người dân còn chủ quan chưa	Có 10 nhà kiên cố - 65% người dân có ý thức trong việc gia cố, chằng chống nhà cửa	Nhà sập Nhà tốc mái	Cao Trung bình

			chàng chống nhà cửa			
	2 Kế Môn	320	- Có 03 nhà đơn sơ - 06 nhà thiếu kiên cố - 160 nhà bán kiên cố - 35% người dân còn chủ quan chưa chàng chống nhà cửa	Có 10 nhà kiên cố - 65% người dân có ý thức trong việc gia cố, chàng chống nhà cửa	Nhà sập Nhà tốc mái	Cao Trung bình
....	<i>Ghi chú khác</i>					

5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và lụt	1 Vĩnh Xương	175	1 hộ sử dụng nước giếng 10% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường	174 hộ sử dụng nước máy 100% các hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh 90% Người dân có ý thức bảo vệ môi trường	Ô nhiễm môi trường	Thấp
	2 Vĩnh Xương	156	10% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường	100% các hộ sử dụng nước máy 100% các hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh 90% Người dân có ý thức bảo vệ môi trường	Ô nhiễm môi trường	Thấp
	1 Kế Môn	247	6 hộ sử dụng nước giếng 6 hộ chưa có nhà vệ sinh (dùng chung với các hộ) 10% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường	314 hộ sử dụng nước máy 314 hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh 90% Người dân có ý thức bảo vệ môi trường	Ô nhiễm môi trường	Thấp

	2 Kế Môn	320	4 hộ sử dụng nước giếng 10% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường	243 hộ sử dụng nước máy 100% các hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh 90% Người dân có ý thức bảo vệ môi trường	Ô nhiễm môi trường	Thấp
....	<i>Ghi chú khác</i>					

6. Y tế và quản lý dịch bệnh

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	Thôn 2 Vĩnh Xương		- Trạm y tế xã xây dựng từ năm 2008 nên phần mái bị rỉ sét, thấm dột làm ướt các phòng Khung cửa ngoại ở các phòng làm bằng gỗ đã bị mục, hư hại Trang thiết bị y tế cơ bản còn thiếu	Trạm có 1 bác sỹ (1 nam)) và 6 cán bộ y tế (5 nữ và 1 nam) đã qua đào tạo chính quy 4 thôn có 4 cán bộ y tế thôn và 4 Cộng tác viên dân số thôn (100% thôn) Người dân tin tưởng và đến khám chữa bệnh tại trạm y tế Công tác quản lý dịch bệnh tốt	Tốc mái trạm xá Uớt, hư hại dụng cụ y tế Hư hại cửa đi	TB Thấp Thấp
Lụt	Thôn 2 Vĩnh Xương		Trạm xá xây dựng ở vùng thấp trung hệ thống khung ngoại cửa bị hư		Uớt các dụng cụ, sổ sách Hư hại khung cửa	Thấp Thấp
....	<i>Ghi chú khác</i>					

7. Giáo dục

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
--------------------------	----------	------------	--------	--	-----------------------	--------------------------------

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Thôn 2 Vĩnh Xương	156		Trường Tiểu học 2 tầng 14 phòng kiên cố.	Học sinh nghỉ học trong thời gian lụt	Thấp
	Thôn 1 Kế Môn	247		Trường THCS và trường Mầm non 2 tầng 30 phòng kiên cố	Học sinh nghỉ học trong thời gian lụt	Thấp
Bão	Thôn 2 Vĩnh Xương	156		Trường Tiểu học 2 tầng 14 phòng kiên cố.	Học sinh nghỉ học trong thời gian bão	Thấp
	Thôn 1 Kế Môn	247	Trường Mầm non có 2 khu vui chơi của trẻ được làm bằng cột sắt, trên mái lợp tôn, không có che chắn	Trường THCS và trường Mầm non 2 tầng 30 phòng kiên cố	Bay mái khu vui chơi của trẻ ở trường Mầm non	Trung bình
....	<i>Ghi chú khác</i>					

8. Rừng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Thôn 1 Vĩnh Xương Thôn 2 Vĩnh Xương Thôn 1 Kế Môn Thôn 2 Kế Môn				Không ảnh hưởng đến rừng	
Bão	1 Vĩnh Xương	175	- 52,72 ha rừng trên cát - 10,02 ha rừng tự nhiên	- Rừng trồng sở hữu của người dân, được chăm sóc, bảo vệ - Cây rừng tự nhiên là cây bản địa, thấp	Gãy cây Gãy cây	Trung bình Thấp
	2 Vĩnh Xương	156	- 70,3 ha rừng trên cát - 13,36 ha rừng tự nhiên	- Rừng trồng sở hữu của người dân, được chăm sóc, bảo vệ - Cây rừng tự nhiên là cây bản địa, thấp	Gãy cây Gãy cây	Trung bình Thấp

1 Kế Môn	247	- 105,45 ha rừng trên cát - 20,04 ha rừng tự nhiên	- Rừng trồng sở hữu của người dân, được chăm sóc, bảo vệ - Cây rừng tự nhiên là cây bản địa, thấp	Gãy cây Gãy cây	Trung bình Thấp
2 Kế Môn	320	- 103,03 ha rừng trên cát - 23,38 ha rừng tự nhiên	- Rừng trồng sở hữu của người dân, được chăm sóc, bảo vệ - Cây rừng tự nhiên là cây bản địa, thấp	Gãy cây Gãy cây	Trung bình Thấp
....	<i>Ghi chú khác</i>				

9. Trồng trọt

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	1 Vĩnh Xương	175	- 50ha đất trồng lúa ở vùng thấp trũng - 03 ha đất trồng sắn ở vùng thấp trũng - 24 ha đất trồng hoa màu ở vùng thấp trũng - 15,67 ha đất trồng ném thấp trũng	- Có 1 trạm bơm - 6 máy cày	Lúa chết Sắn hư Hoa màu chết Ném chết	Trung bình Thấp Cao Cao
	2 Vĩnh Xương	156	- 40ha đất trồng lúa ở vùng thấp trũng - 02 ha đất trồng sắn ở vùng thấp trũng - 14 ha đất trồng hoa màu ở vùng thấp trũng - 15,8 ha đất trồng ném thấp trũng	- Có 3 trạm bơm - 4 máy cày	Lúa chết Sắn hư Hoa màu chết Ném chết	Trung bình Thấp Cao Cao
	1 Kế Môn	247	- 100ha đất trồng lúa ở vùng thấp trũng - 06 ha đất trồng sắn ở vùng thấp trũng - 06 ha đất trồng hoa màu ở vùng	- Có 02 trạm bơm - 03 máy cày - 01 máy gặt	Lúa chết Sắn hư Hoa màu chết	Trung bình Thấp Cao

			thấp trũng - 2,37 ha đất trồng ném thấp trũng		Ném chết	Cao
	2 Kế Môn	320	- 101ha đất trồng lúa ở vùng thấp trũng - 06 ha đất trồng sắn ở vùng thấp trũng - 06 ha đất trồng hoa màu ở vùng thấp trũng - 1,16 ha đất trồng ném thấp trũng	- 03 trạm bơm - 22 máy cày - 01 máy gặt	Lúa chết Sắn hư Hoa màu chết Ném chết	Trung bình Thấp Cao Cao
Nắng nóng kéo dài	1 Vĩnh Xương	175	3,92 ha đất trồng ném trên vùng cát cao, không có hệ thống nước tưới		Ném chết	Cao
	2 Vĩnh Xương	156	3,02 ha đất trồng ném trên vùng cát cao, không có hệ thống nước tưới		Ném chết	Cao
	1 Kế Môn	247	0,59 ha đất trồng ném trên vùng cát cao, không có hệ thống nước tưới		Ném chết	Cao
	2 Kế Môn	320	0,29 ha đất trồng ném trên vùng cát cao, không có hệ thống nước tưới		Ném chết	Cao
Bão					Không gây thiệt hại nhiều cho trồng trọt	
....	Ghi chú khác					

10. Chăn nuôi

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Lụt	1 Vĩnh Xương	175	- 128 con bò nuôi trong thôn - 20 con lợn - 530 gia cầm nuôi thả rông	- 100% chuồng trại ở vùng cao (rú cát) - 90% có chuồng an toàn	Không có lợn chết Gà vịt chết	thấp Trung bình
	2 Vĩnh Xương	156	- 110 con bò nuôi trong thôn - 100 con lợn - 800 gia cầm nuôi thả rông	- 100% chuồng trại ở vùng cao (rú cát) - 90% có chuồng an toàn	Không có lợn chết Gà vịt chết	thấp Trung bình
	1 Kế Môn	247	- 66 con bò nuôi trong thôn - 366 con lợn - 750 gia cầm nuôi thả rông	- 100% chuồng trại ở vùng cao (rú cát) - 90% có chuồng an toàn	Không có lợn chết Gà vịt chết	thấp Trung bình
	2 Kế Môn	320	- 45 con bò nuôi trong thôn - 310 con lợn - 700 gia cầm nuôi thả rông	- 100% chuồng trại ở vùng cao -90% có chuồng an toàn - 200.000 con vịt nuôi đàn	Không có lợn chết Gà vịt chết	0 thấp Trung bình
Bão	4 thôn		- 349 con bò nuôi trong thôn - 796 con lợn - 2870 gia cầm nuôi thả rông	- 100% chuồng trại ở vùng cao -90% có chuồng an toàn	Không có Lợn chết Gia cầm chết	0 thấp Trung bình
Rét	1 Vĩnh Xương	175	128 con bò	100% Chuồng trại an toàn	Bò chết	Thấp
	2 Vĩnh Xương	156	110 con bò	100% Chuồng trại an toàn	Bò chết	Thấp
	1 Kế Môn	247	66 con bò	100% Chuồng trại an toàn	Bò chết	Thấp
	2 Kế Môn	320	45 con bò	100% Chuồng trại an toàn	Bò chết	Thấp
....	Ghi chú khác					

11. Thủy Sản

Loại hình Thiên tai/BĐ	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
------------------------	----------	------------	--------	---	-----------------------	--------------------------------

KH				dụng)		Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lục	Thôn 2 Kế Môn	320	- 38 thuyền (hộ) đánh bắt cá trên sông, có 19 nữ tham gia (8 thuyền nhỏ không có gắn máy) 100% thuyền không có trang bị phao, áo phao - 5 lồng nuôi cá trên sông	30 thuyền có gắn máy 100% người đánh cá đều biết bơi giỏi, có kinh nghiệm sông nước	Thuyền trôi Người chết Lồng cá trôi	Thấp Thấp Thấp
	Thôn 1 Vĩnh xương		10 ha ao, hồ nuôi cá 100% nuôi thủ công, không có máy móc	Người dân có kinh nghiệm trong việc nuôi cá ở ao, hồ	Cá trôi/chết	Thấp
	Thôn 1 Vĩnh xương		7,8 ha ao, hồ nuôi cá 100% nuôi thủ công, không có máy móc	Người dân có kinh nghiệm trong việc nuôi cá ở ao, hồ	Cá trôi/chết	Thấp
Bão	Thôn 2 Kế Môn	320	- 38 thuyền (hộ) đánh bắt cá trên sông, có 19 nữ tham gia (8 thuyền nhỏ không có gắn máy)	30 thuyền có gắn máy Có nơi neo đậu ở bờ sông an toàn	Thuyền hư	Thấp
....	<i>Ghi chú khác</i>					

12. Du lịch

Không có hoạt động du lịch, quán ăn lớn

13. Buôn bán và dịch vụ khác

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lục	1 Vĩnh Xương	175	06 hộ buôn bán có cơ sở kinh doanh ở vùng ngập lụt	100% các hộ có kệ để hàng được kê cao Các hộ có kinh	Ướt hàng hóa	Thấp

				nghiệm trong việc kê kích hàng hóa khi có lụt		
	2 Vĩnh Xương	156	05 hộ buôn bán có cơ sở kinh doanh ở vùng ngập lụt	100% các hộ có kê để hàng được kê cao Các hộ có kinh nghiệm trong việc kê kích hàng hóa khi có lụt	Ướt hàng hóa	Thấp
	1 Kế Môn	247	11 hộ buôn bán có cơ sở kinh doanh ở vùng ngập lụt	100% các hộ có kê để hàng được kê cao Các hộ có kinh nghiệm trong việc kê kích hàng hóa khi có lụt	Ướt hàng hóa	Thấp
	2 Kế Môn	320	20 hộ buôn bán có cơ sở kinh doanh ở vùng ngập lụt	100% các hộ có kê để hàng được kê cao Các hộ có kinh nghiệm trong việc kê kích hàng hóa khi có lụt	Ướt hàng hóa	Thấp
Bão	1 Vĩnh Xương	175	6 hộ buôn bán có cơ sở kinh doanh chưa an toàn trong bão	Có 1 hộ buôn bán có cơ sở kiên cố Các hộ có kinh nghiệm trong việc bảo vệ hàng hóa	Hư hại/ướt hàng hóa Hư hại cơ sở bán buôn	Thấp Thấp
	2 Vĩnh Xương	156	5 hộ buôn bán có cơ sở kinh doanh chưa an toàn trong bão	Có 2 hộ buôn bán có cơ sở kiên c Các hộ có kinh nghiệm trong việc bảo vệ hàng hóa	Hư hại/ướt hàng hóa Hư hại cơ sở bán buôn	Thấp Thấp
	1 Kế Môn	247	11 hộ buôn bán có cơ sở kinh doanh chưa an toàn trong	Các hộ có kinh nghiệm trong việc bảo vệ	Hư hại/ướt hàng hóa	Thấp Thấp

			bão	hàng hóa	Hư hại cơ sở bán buôn	
	2 Kế Môn	320	20 hộ buôn bán có cơ sở kinh doanh chưa an toàn trong bão 02 hộ làm nghề mộc cơ sở chưa được kiên cố	Các hộ có kinh nghiệm trong việc bảo vệ hàng hóa Có chằng chống cơ sở	Hư hại/ướt hàng hóa Hư hại cơ sở bán buôn Hư hại cơ sở sản xuất	Thấp Thấp Thấp
....	Ghi chú khác					

14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và Lụt	Thôn 1 Vĩnh Xương Thôn 2 Vĩnh Xương Thôn 1 Kế Môn Thôn 2 Kế Môn		- 15% người dân chưa tiếp cận được các thông tin cảnh báo do hệ thống truyền thanh xã, thôn chưa phủ khắp - 4 thôn chưa có trang bị loa cầm tay - Hệ thống truyền thanh của xã, thôn bằng loa có dây dễ bị bão làm hư hại	- 90% hộ gia đình có các phương tiện nghe, nhìn - 85% người dân tiếp cận các thông tin cảnh báo từ loa truyền thanh xã, thôn - 675 hộ tiếp cận dịch vụ Internet	- Thiếu thông tin - Không đảm bảo thông tin liên lạc, dự báo, cảnh báo khi có bão Hư hại hệ thống truyền thanh	Thấp Thấp Trung bình
....	Ghi chú khác					

15. Phòng chống thiên tai/TỰBĐKH

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão & Lụt	Thôn 1 Vĩnh Xương Thôn 2		- Đội xung kích thiếu phương tiện cứu hộ cứu nạn, chưa được trang bị bảo hộ cá	- Một số hộ dân biết gia cố chằng chống nhà cửa trước	- Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm	Thấp

	Vĩnh Xương Thôn 1 Kế Môn Thôn 2 Kế Môn		nhân - Ban PCTT thôn thiếu các trang thiết bị, phương tiện PCTT, cứu hộ - Ban lãnh đạo thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BĐKH	mùa thiên tai - Người dân có kinh nghiệm trong ứng phó với thiên tai - Các hộ gia đình có dự trữ lương thực thực phẩm 2-3 ngày trong mùa thiên tai	vụ . - Ảnh hưởng đến ứng phó của thôn - Thiếu kiến thức	Trung bình Trung bình
....	Ghi chú khác					

16. Giới trong PCTT và BĐKH

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão & lụt	Thôn 1 Vĩnh Xương Thôn 2 Vĩnh Xương Thôn 1 Kế Môn Thôn 2 Kế Môn		- Có 231 nhà do phụ nữ làm trụ cột; trong đó 95% là nhà chưa được an toàn trong bão - 98% phụ nữ chưa biết bơi - Do đặc thù công việc nên tỷ lệ nữ tham gia BCH PCTT & TKCN xã chưa cao 3/27 (11%)	- Có 3 nữ tham gia vào BCH PCTT&TKCN xã - 20 nữ tham gia vào các đội xung kích xã, thôn - 1 nữ tham gia vào nhóm tuyên truyền viên - Trong sản xuất tỷ lệ nữ tham gia vào các hoạt động kinh tế tương đương nam, có một số lĩnh vực nhiều hơn - Trong các hoạt động xã hội (hội họp...) tỷ lệ nữ tham gia tương đối đồng	Hư hại nhà cửa Ảnh hưởng đến tính mạng Bất bình đẳng giới	Trung bình Thấp Thấp
....	Ghi chú khác					

17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

Không có

D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp

1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

Thứ tự vấn đề ưu tiên (*)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	TTDBTT	Nguyên nhân	Giải pháp (tách biệt giải pháp cho Nam/Nữ nếu được)
1	Lúa chết	Ruộng lúa nằm ở vùng thấp trũng thường xuyên bị ngập lụt	Hệ thống chống úng, tiêu nước không đáp ứng thực trạng ngập úng tại địa phương	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thủy lợi Tăng cường khả năng tiêu úng
			Rét kéo dài, thời tiết diễn biến không theo quy luật, bất thường (BĐKH)	Xây dựng lịch thời vụ phù hợp tình hình thời tiết, khí hậu
			Thiếu kiến thức KHKT về trồng trọt	Nâng cao kiến thức KHKT về trồng trọt cho nam và nữ
			Giống chưa chịu được tác động của thời tiết cực đoan	Nghiên cứu, chọn giống lúa phù hợp thời tiết, khí hậu
2	Ném hư hại	Đất trồng ném ở vùng cát, thấp trũng	Mương thoát nước chậm, bị bồi lấp, cống thoát nước hẹp	Nâng cấp, cải tạo hệ thống mương thoát nước
			Cát chảy vùi lấp	
		Đất trồng ném ở vùng cát cao	Thiếu nước tưới	Dưa hệ thống điện ra vùng cát và khoan giếng bơm
3	Hoa màu hư hại	Đất trồng hoa màu ở vùng thấp trũng thường xuyên bị ngập lụt	Hệ thống thoát nước không đáp ứng thực trạng ngập úng tại địa phương	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thủy lợi
			Cơ cấu cây trồng chưa hợp lý	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng
4	Sắn hư thối	Đất trồng sắn ở vùng thấp trũng, thường xuyên bị ngập nước	hệ thống thoát nước không đáp ứng thực trạng ngập úng tại địa phương	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thủy lợi
5	Nhà sập/tóc mái	Nhà cửa chưa kiên cố, ở trong vùng bão	Nhà đơn sơ và nhà thiếu kiên cố còn nhiều	Kiên cố hóa nhà cửa,
			Người dân còn chủ	Nâng cao nhận thức

		quan chưa gia cố, chằng chống nhà cửa	cho người dân về bảo vệ nhà cửa an toàn
Yêu cầu bắt buộc:	Đưa ra 03 chỉ tiêu để tăng cường công tác giới và giảm rủi ro thiên tai và khí hậu tách biệt cho nam và nữ, trẻ em gái và trai trong vòng 5-10 năm tới tại xã		
Lưu ý khác:			

2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Nhóm ngành/lĩnh vực (*)	Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp (****)	Thời gian dự kiến		Nguồn ngân sách dự kiến
				Ngắn hạn (thời thực hiện dưới 2 năm)	Dài hạn (thời gian thực hiện trên 2 năm)	
An toàn với người dân và cộng đồng nói chung và tách biệt giải pháp về giới	Nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng chống thiên tai	Người dân các thôn	Tuyên truyền Tập huấn cho nam và nữ	X		Nhà nước & Nguồn khác
	Nâng cao năng lực cho phụ nữ	Phụ nữ	Tập bơi cho phụ nữ và trẻ em gái		X	Nhà nước & Nguồn khác
Hạ tầng công cộng	Kiên cố hóa hệ thống điện	Người dân các thôn	Xây dựng 99 trụ điện nhỏ do dân đúc chưa đảm bảo ở các thôn		X	Điện lực và người dân
	Đưa hệ thống điện ra vùng cát giảm rủi ro do nhiệt độ tăng	Người dân sản xuất trên vùng cát	Đưa lưới điện ra vùng cát, giúp người dân khoan giếng lấy nước tưới hoa màu		X	Nhà nước, điện lực và người dân
	Bê tông hóa đường nội đồng	Người dân tham gia trồng trọt	Nâng cấp, bê tông hóa 9,9 km đường nội đồng		X	HTX & người dân
	Nâng cấp đường tránh lũ lên vùng cát	Người dân trong xã	Nâng cấp, bê tông hóa 4,3 km đường tránh lũ lên vùng cát		X	Nhà nước, các tổ chức cà nhân dân

Công trình thủy lợi	Nâng cấp kênh mương thủy lợi	Người dân tham gia trồng trọt	Xây dựng kiên cố 2,5 km kênh mương thủy lợi		X	Nhà nước, HTX và người dân
	Nâng cấp đê bao nội đồng	Người dân tham gia trồng trọt	Tôn cao 4,5km mặt đê sông Ô Lâu		X	Nhà nước
	Nâng cấp mương nước cát	Người dân trồng trọt	Nạo vét, khơi thông dòng chảy 4,8 km mương nước cát - Mở rộng khẩu độ công thoát cuối mương -	X X		HTX và người dân
	Kiên cố hóa kè Khe làng	Người dân thôn 2 Kế Môn	Đắp kè đá 750m đê Khe Làng		X	Nhà nước
Nhà ở	Kiên cố hóa nhà cửa	Những người có nhà chưa kiên cố	Vận động người dân gia cố, sửa chữa, chằng chống nhà cửa an toàn	X		Người dân
			Xây mới nhà an toàn Vận động xây mới 21 nhà đơn sơ và thiếu kiên cố		X	Nhà nước Các tổ chức và người dân
	Nâng cao nhận thức để người dân gia cố, chằng chống nhà cửa	Những người có nhà chưa kiên cố	Tuyên truyền, tập huấn về bảo vệ, chằng chống nhà cửa trước mùa mưa bão	X		Nhà nước Các tổ chức và người dân
Nước sạch, vệ sinh và môi trường						
Y tế và quản lý dịch bệnh			Thay lại mái tôn và khung ngoại các cửa	X		Nhà nước
Giáo dục						

Rừng	Trồng rừng chống sa mạc hóa do nhiệt độ tăng	Người dân trong xã	Trồng rừng phủ 10 ha đất rừng trên cát theo quy hoạch		X	Nhà nước Các tổ chức và người dân
Trồng trọt	Xây dựng lịch thời vụ phù hợp	Người trồng trọt	Xây dựng, điều chỉnh lịch thời vụ thích hợp sự thay đổi của khí hậu	X		HTX
	Chuyển đổi giống, cây trồng		Chọn giống cây trồng phù hợp với biến đổi khí hậu		X	HTX & Người dân
Chăn nuôi						
Thủy sản						
Du lịch						
Buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác						
Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Nâng cấp hệ thống thông tin cảnh báo	Người dân ác thôn	Tăng cường thêm các cụm loa		X	Nhà nước & Nguồn khác
			Trang bị loa cầm tay cho các thôn	X		Nhà nước & Nguồn khác
Phòng chống thiên tai và TUBĐKH	Nâng cao năng lực cho cán bộ PCTT xã, thôn	Cán bộ làm công tác PCTT xã, thôn, lực lượng cứu hộ	Tập huấn kiến thức về PCTT, BĐKH	X		Nhà nước & Nguồn khác
			Tập huấn về cứu hộ- sơ cấp cứu	X		Nhà nước & Nguồn khác
			Trang cấp các dụng cụ, phương tiện PCTT cho các thôn	X		Nhà nước & Nguồn khác
Lĩnh vực Bình đẳng Giới (***)	Tăng cường sự tham gia của nữ giới trong công tác quản lý rủi ro thiên tai	Phụ nữ	Tăng cường nữ giới vào BCH PCTT các cấp	X		Nhà nước
		Phụ nữ và	Nâng cao năng lực về quản lý rủi ro thiên tai	X		Nhà nước, các tổ chức &

		nam giới	cho nam và nữ như nhau			các nguồn khác
		Phụ nữ trụ cột của gia đình	Hỗ trợ gia đình phụ nữ làm chủ hộ trong việc gia cố, chằng chống nhà cửa, sơ tán...	X		Các đoàn thể lực lượng xung kích
	Nâng cao năng lực tự bảo vệ cho phụ nữ và trẻ em gái	Phụ nữ và trẻ em gái	Tập bơi cho phụ nữ và trẻ em gái		X	Các đoàn thể người dân

Lưu ý khác

3. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã

* Thiệt hại thiên tai:

- Đối với cây ném: Tình trạng dễ bị tổn thương: do nắng nóng kéo dài dẫn đến ném chết

Giải pháp: Đầu tư hệ thống điện để tưới, nhà lưới.

Tăng cường công tác trồng rừng để chống hạn, chống cát bay cát lấp, chống sa mạc hóa bằng cách kêu gọi các dự án trồng rừng

- Đối với giao thông: bổ sung thêm đường tránh lũ 4,3km (đường cấp thôn 1 + 2 Kế Môn 2,5km, đường quan thôn 1 + 2 Vĩnh Xương 1,8 km.

Giải pháp: Mở rộng, nâng cấp đường tránh lũ tạo điều kiện lưu thông trong mùa mưa bão.

- Đối với nhà ở, công trình công cộng: công tác giăng chống nhà cửa của nhân dân còn chủ quan khoảng 50% và các cơ quan, đơn vị, trường học hay bị tốc mái do bão gây ra

Giải pháp nâng cao nhận thức và hiểu biết cho người dân trong công tác giăng chống nhà cửa.

- Đối với thủy lợi: Quan tâm đê bao nội đồng, tuyến đê khe làng thôn 2 Kế Môn 750m, đê kênh phân lũ Hương Môn thôn 1 Vĩnh Xương 1000m, tuyến khe bên Phụ thôn 1 Kế Môn, tuyến khe Ông thôn 2 Vĩnh Xương.

Giải pháp:

+ Nâng cấp cao trình các tuyến đê bao nội đồng.

+ Gia cố, nâng cấp mở rộng đê kênh phân lũ Hương Môn thôn 1 Vĩnh Xương 1000m ;tuyến khe bên Phụ thôn 1 Kế Môn, tuyến khe Ông thôn 2 Vĩnh Xương.

+ Đắp đê kè đá tuyến đê khe làng thôn 2 Kế Môn 750m nhằm bảo vệ khu dân cư ở khu vực Đồng Dạ và đất sản xuất.

- Đối với ghe thuyền: dễ bị bão, lũ cuốn trôi do chưa có nơi neo đậu an toàn

Giải pháp: Đề nghị đầu tư xây dựng âu thuyền tránh bão nhằm bảo vệ ghe thuyền cho người dân.

**Xác nhận tiếp nhận kết quả đánh giá rủi ro thiên tai của xã
TM UBND Xã**

(đã ký)

E. Phụ lục

1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá

TT	Họ tên (Nam/Nữ)	Đơn vị	Số điện thoại
1	Hoàng Ngọc Bảo	PCT UBND xã	01656892370
2	Hoàng Ngọc Cường	UBND xã	0985659758
3	Hoàng Văn Hạnh	UBND xã	0987375710
4	Hồ Thị Loan	UBND xã	01676745481
5	Hồ Trường Thiên Vũ	UBND xã	0972736626
6	Trần Thị Tình	UBND xã	0982966005
7	Văn Đình Long	UBND xã	0935483123
8	Trần Thị Linh Uyên	UBND xã	0961133996
9	Phan Phú	UBND xã	01632246978
10	Bùi Viết Huy	UBND xã	0932546610

2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn

LỊCH SỬ THIÊN TAI

Năm/Tháng	Thiên Tai	Đặc Điểm	Khu vực bị ảnh hưởng	Thiệt Hại	Nguyên Nhân	Đã làm gì để phòng chống
11/2017	Lụt	Lên nhanh, bất ngờ, mưa lớn kéo dài	Toàn xã	Ném: thôn 1 Kế Môn thiệt hại 80% (1ha), thôn 2 100% (2 ha) T1 V Xương 8 ha, T2 V Xương 5 ha Khoai thiệt hại 100% tại 2 thôn Ớt, hoa mà thiệt hại T1 V Xương 3 ha, T2 V Xương 2 ha Đê vỡ 10m tại thôn 1 V Xương, Kênh phân lũ Hương Môn vỡ 50m Tràn đê phòng hộ xóm 1-4 thôn 2 Vĩnh Xương Ngập lụt cục bộ đường xóm 9 vào trang trại	Vùng trũng, nguồn nước khe, rú chảy không kịp nên bị úng lâu ngày, khe hẹp do người dân lấn đất trồng, cống thoát nước nhỏ, cát bồi lấp bờ đê chưa đảm bảo, hệ thống thoát nước chưa đảm bảo	Thường xuyên nạo vét khe, khơi thông dòng chảy, huy động nguồn lực khắc phục tại chỗ

6/2016	Lụt tiểu mãn	Hàng năm	Thôn 1,2 kế môn	Lúa cây còi, chết thôn 1 Kế Môn 30Ha, thôn 2 20 Ha	Vùng trũng, mưa lớn, không đủ khả năng tiêu úng (mới có 3 máy bơm)	Tiêu nước bằng 3 máy bơm của xã
5/2012 5/2015	Sét	Xuất hiện kèm mưa giông	Thôn 1 kế môn Thôn 1 Kế Môn	1 Người chết Lâu họ bụi nứt nẻ, hổng ti vi	Đang cào ruộng bị sét đánh, do người có mang vật bằng sắt Không tắt điện, chủ quan	Ngôi xóm xuống đất, tránh mang theo vật dụng bằng sắt, không ở dưới cây cao....
2013	Bão	Áp thấp nhiệt đới mạnh, mưa , gió lớn	Thôn 1,2 Kế Môn	Nhà tốc mái thôn kế môn 1 1 nhà Kế Môn 2 2 nhà	Nhà đơn sơ, không có nhân lực, ật dụng để gia cố, ở khu vực gió lộng, gió to, trồng Chủ quan Nhà chưa kiên cố chưa chằng chống kỹ	Gia cố nhà, di chuyển tới nơi an toàn
1/2012	Rét	Nhiệt độ thấp, kéo dài Ít khi xuất hiện	Thôn 1, 2 Kế Môn	Mạ : Thôn 1 60 Ha, Thôn 2 60 Ha	Mạ đã reo nhưng gặp rét lên bị chết	ủ rom, giữ ấm cho mạ , bón phân lân
2016	Bão		Hai thôn Vĩnh Xương	Nhà tốc máy 15 nhà (Thôn 1 V.Xương 7 nhà, Thôn 2 V.Xương 8 nhà) Thiệt hại 8km đường điện	Nhà bán kiên cố, không chằng chống dây điện bị võng, xuống cấp	Gia cố nhà cửa, mái

BẢNG TỔNG HỢP RỦI RO THIÊN TAI

Thiên tai	Xu hướng	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực phòng, chống thiên tai	Rủi ro
Lụt	Ngày càng có nhiều trận lụt	<p>AN TOÀN CỘNG ĐỒNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 93 nhà ở vùng thường bị ngập sâu (T1 Kế Môn 20, T2 Kế Môn 25, T1 V Xương 18, T2 V Xương 30) trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + có 7 nhà đơn sơ dễ bị hư hại do lũ lụt tác động. (T1 Kế Môn 1, T2 Kế Môn 2, T1 V Xương 1, T2 V Xương 3) * Có 18 người (nam 6, nữ 12) ở các nhà đơn sơ trong vùng ngập sâu (T1 Kế Môn 1, T2 Kế Môn 5, T1 V Xương 4, T2 V Xương 8) + có 32 nhà chưa được kiên cố dễ bị sập, cuốn trôi (T1 Kế Môn 10 T2 Kế Môn 22 * Có 60 người (nam 25, nữ 35) ở các nhà chưa được kiên cố trong vùng ngập sâu (T1 Kế Môn 25, T2 Kế Môn 35 + có 54 nhà bán kiên cố dễ bị ngập sâu do lũ lụt tác động (T1 Kế Môn 5, T2 Kế Môn 5, T1 V Xương 22, T2 V Xương 22) * Có 162 người (nam.73, nữ 89) ở các nhà bán kiên cố trong vùng ngập (T1 Kế Môn 16, T2 Kế Môn 14 T1 V Xương 80, T2 V Xương 52) - Có 61 hộ, 183 khẩu cần phải sơ tán lụt (T.1 Kế Môn 11 hộ 33 người , T.2 Kế Môn 50 hộ 150 người) - Có 20 hộ gia đình ở vùng ngập sâu không có ghe, thuyền(T1 Kế Môn 10, T2 Kế Môn 10) 9.9 km đường nội đồng bằng đất dễ bị hư hại khi ngập lụt (T1 Kế môn 3km, T2 Kế môn 	<p>AN TOÀN CỘNG ĐỒNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 68 nhà cao tầng ; những nhà này có thể làm nơi sơ tán trong cộng đồng.(T1 Kế Môn 10, T2 Kế Môn 30, T1 V Xương 7, T2 V Xương 21) - Có 101 điểm sơ tán lụt ở xã cũng như ở các thôn (T1 Kế Môn 22, T2 Kế Môn 40, T1 V Xương 17, T2 V Xương 22) - Có 67 hộ gia đình có ghe, thuyền có thể đi lại trong khi có lũ lụt(T1 Kế Môn 15, T2 Kế Môn 50 hộ, V Xương 2 2 hộ) - Có 25 hộ gia đình có trang bị áo phao, phao cứu sinh trong nhà(T1 Kế Môn 15, T2 Kế Môn 5 , T1 V Xương 2, T2 V Xương 3) - 100% km đường đi lại trong các thôn là đường bê tông (T1 Kế Môn 100%, T2 Kế Môn 100%, V Xương 1 100%, V Xương 2 100%) - Có 70% gia đình chủ động trong bảo vệ nhà cửa, kê cát tài sản (T1 Kế Môn 70%, T2 Kế Môn 70%, T1 V Xương 70%, T2 V Xương 70%) - Có 90% gia đình dự trữ lương thực (T1 Kế Môn 90%, T2 Kế Môn 90%,T1 V Xương 90%, T2 V Xương 90%) 15.9 km đường nội đồng được bê tông hóa 	<p>Nhà hư hại</p> <p>Đường nội đồng hư</p> <p>Lúa chết</p>

		<p>2.5 km, T1 V Xương 2 km, T2 V Xương 2.4 km)</p> <p>Có 98% hộ không có phao, áo phao dự phòng trong gia đình khi có lụt (T1 Kế Môn 98%, T2 Kế Môn 98%, T1 V Xương 98%, T2 V Xương 98%)</p> <p>SẢN XUẤT KINH DOANH</p> <ul style="list-style-type: none"> - 300 ha đất trồng lúa ở vùng thường xuyên bị ngập sâu (T1 Kế Môn 100 ha, T2 Kế Môn 110 ha, T1 V Xương 50 ha, T2 V Xương 40 ha) - 17 ha đất trồng sắn ở vùng thường xuyên bị ngập sâu (T1 Kế Môn 6 ha, T2 Kế Môn 6 ha, T1 V Xương 3 ha, T2 V Xương 2 ha) - 23,2 ha đất trồng rau màu ở vùng thường xuyên bị ngập sâu (T1 Kế Môn 6 ha, T2 Kế Môn 6 ha, T1 V Xương 24 ha, T2 V Xương 14 ha) - 25 ha đất trồng ném ở vùng thường xuyên bị ngập sâu, bị sỏi mòn đất do đất cát (T1 Kế Môn 2,37 ha, T2 Kế Môn 1,16 ha, T1 V Xương 15,67 ha, T2 V Xương 15,8 ha) - 29 ha đất trồng dưa hấu ở vùng thường xuyên bị ngập sâu (T1 Kế Môn 3 ha, T2 Kế Môn 10 ha T1 V Xương 10 ha, T2 V Xương 6 ha) - Có 4.8 km kênh tách nước cát chưa kiên cố, dễ bị cát lấp, có cống thoát nước hẹp. - Có 349 con trâu, bò được nuôi trong vùng (T1 Kế Môn 66, T2 Kế Môn 45, T1 V Xương 128, T2 V Xương 110) - Có 349 con lợn được nuôi trong vùng (T1 Kế Môn 366, T2 Kế Môn 310, T1 V Xương 20, T2 V Xương 100) 	<p>SẢN XUẤT KINH DOANH</p> <p>Có 80% người dân tham gia trồng trọt (T1 Kế Môn 80%, T2 Kế Môn 80%, V Xương 1+2 80%,)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hai HTX sản xuất nông nghiệp, cán bộ HTX có năng lực chỉ đạo sản xuất - Có 2 km đê kiên cố (T1 V Xương 1 km, T2 V Xương 1 km) - Có 4 km thủy lợi kiên cố (T1 V Xương 2 km, T2 V Xương 2 km) - Có 9 trạm bơm (T1 Kế Môn 2, T2 Kế Môn 3, T1 V Xương 1, T2 V Xương 3 - Có 35 máy cày (T1 Kế Môn 3, T2 Kế Môn 22, T1 V Xương 6, T2 V Xương 4) - Có 1 máy gặt,(T2 Kế Môn 1) - Có 100% hộ có chuồng trại ở vùng cao, khi lụt đưa trâu/bò lên - 90% hộ chăn nuôi lợn có chuồng cao, an toàn cho lợn khi lũ về - Có 7 hộ chăn nuôi gà nhốt 	<p>Sản hu/thối</p> <p>Hoa màu hư</p> <p>Ném chết</p> <p>Dư hấu hư</p> <p>Lợn chết</p>
--	--	---	---	---

		<ul style="list-style-type: none"> - Có 90% hộ nuôi gà vịt đều thả rông không có chuồng trại kiên cố - Có 5 lồng cá nuôi trên sông - Có 17,8 ha hồ nuôi cá/tôm ở vùng thường ngập sâu (T1 V Xương 10 , T2 V Xương 7,8) - Có 8 thuyền nhỏ (không máy) đánh bắt cá trên sông (T2 Kế Môn) + Có 76 người tham gia đánh cá trên thuyền + Có 19 nữ tham gia đánh cá (T2 Kế Môn) - Có 40 % người dân (trong đó nữ chiếm 80 %) chưa được trang bị kỹ thuật chăn nuôi (T1 Kế Môn 80%, T2 Kế Môn 80%, T1 V Xương 80%, T2 V Xương 80%) - Có 42 hộ buôn bán ở trong vùng bị ngập sâu (T1 Kế Môn 11, T2 Kế Môn 20, T1 V Xương 6, T2 V Xương 5) <p>SỨC KHỎE VỆ SINH MÔI TRƯỜNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 95% hộ không có tủ thuốc gia đình để dự trữ thuốc, dụng cụ y tế cần thiết trong gia đình(T1 Kế Môn 95%, T2 Kế Môn 95%, T1 V Xương 95%, T2 V Xương 95%)) . Có 6 hộ chưa có hố xí 	<p>chuồng. (T1 Kế Môn 5, T2 Kế Môn 2)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 3 người nuôi lồng cá (Nam 3 nữ 2) (T2 Kế Môn 5, V Xương 2 8) - Có 30 ghe (có máy) đánh bắt cá trên sông (T2 Kế Môn 30) - 38 hộ đánh bắt cá trên sông/ phá biết bơi (T2 Kế Môn 38) <p>Có 60 % người dân có kiến thức và áp dụng KHKT về trồng trọt và chăn nuôi vào sản xuất(trong đó nữ chiếm 100%(T1 Kế Môn 60%, T2 Kế Môn 60%, V Xương 1 60%, V Xương 2 60%)</p> <p>SỨC KHỎE VỆ SINH MÔI TRƯỜNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt 99%. - Trạm y tế 2 tầng, có đủ nhân viên y tế đủ năng lực để khám và điều trị - 99% hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh; - Có 4 đội thu gom rác (T1 Kế Môn 1, T2 Kế Môn 1, T1 V Xương 1, T2 V Xương 1) 	<p>Gà vịt chết</p> <p>Lồng cá trôi</p> <p>Cá chết</p> <p>Kênh mương hư</p>
Bão	Có nhiều cơn bão hơn, tuy	<p>AN TOÀN CỘNG ĐỒNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường Mầm non có 2 khu vui chơi cho trẻ làm bằng khung sắt, mái lợp bằng tôn, không có bao che, dễ bị tác động phá hủy 	<p>AN TOÀN CỘNG ĐỒNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường THCS xây 2 tầng có 18 phòng học kiên cố (T1 Kế Môn) - Trường tiểu học xây 2 tầng có 	<p>Tóc mái khu vui</p>

<p>nhiên ít ảnh hưởng trực tiếp đến xã</p>	<p>của bão (T1 Kế Môn) - Mái tôn của trạm y tế đã lâu, xuống cấp, bị thấm dột 100% hộ bị ảnh hưởng trực tiếp của bão - Nhà bán kiên cố: 695 nhà (T1 Kế Môn.222 , T2 Kế Môn 160, T1 V Xương 178, T2 V Xương 135) + Số người ở trong nhà Bán kiên cố là 2933 người (nữ 1237) (T1 Kế Môn 932, T2 Kế Môn 672, T1 V Xương 762, T2 V Xương 567) - Nhà chưa kiên cố: 7 nhà (T2 Kế Môn. 6, V Xương 1 1 nhà) + Số người ở trong nhà chưa kiên cố là 29 người, (nữ. 15) (T2 Kế Môn.25, V Xương 1: 4) - Nhà đơn sơ : 14 nhà (T1 Kế Môn.5 , T2 Kế Môn. 3, T2 V Xương 6) + Số người ở trong nhà đơn sơ là 59 người nữ 32) (T1 Kế Môn. 21 , T2 Kế Môn. 13, T2 V Xương: 25) - 2 nhà văn hóa thôn xây dựng đã lâu, xuống cấp(T1 Xương 1 nhà, T2 V Xương 1 nhà) - 30% người dân chưa có kiến thức về phòng chống thiên tai, (T1 Kế Môn 30%, T2 Kế Môn 30%, T1 V Xương 50%, T2 V Xương 50%) - 60% người dân cần phải sơ tán bão cấp mạnh(T1 Kế Môn 60%, T2 Kế Môn 60%, V Xương 1 60%, V Xương 2 60%) - Có 50% hộ còn chủ quan không chằng chống nhà cửa trước mùa mưa bão (T1 Kế Môn 50%, T2 Kế Môn 50%, V Xương 1 50%, V Xương 2 50%) - Có 10% hộ còn khó khăn chưa</p>	<p>14 phòng học kiên cố (T2 V Xương) - Trường Mầm non xây 2 tầng có 12 phòng học kiên cố (T1 Kế Môn) - UBND xã có 15 phòng kiên cố (thôn 2 Vĩnh Xương) - Trạm y tế có 11 phòng kiên cố (thôn 2 Vĩnh Xương), có 1 Bs, 6 nhân viên y tế tại trạm và 4 nhân viên y tế tại 4 thôn, trạm thực hiện tốt công tác y tế, vệ sinh, phòng bệnh - Có 68 kiên cố có thể làm nơi sơ tán tập trung (T1 Kế Môn 10, T2 Kế Môn 30, T1 V Xương 7, T2 V Xương 21) - Hệ thống điện phủ khắp các thôn, xóm, tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 100%. - Có 100% đường đi lại trong các thôn là đường bê tông - 2 nhà văn hóa thôn bán kiên cố (T1 Kế Môn, T2 Kế Môn) - Có 95 % hộ có các phương tiện nghe nhìn để theo dõi các thông tin cảnh báo bão, lũ (T1 Kế Môn 90%, T2 Kế Môn 90%, T1 V Xương 100%, T2 V Xương 100%) - Do ở vùng thường xuyên xảy ra thiên tai nên ý thức chủ động phòng chống thiên tai của người dân tương đối cao : 70% (T1 Kế Môn 70%, T2 Kế Môn 70% T1 V Xương 70%, T2 V Xương 70%) - Có 50% người dân có ý thức việc chằng chống nhà cửa(T1 Kế Môn 50%, T2 Kế Môn 50%, T1 V Xương 50%, T2 V Xương 50%) - 90 % hộ gia đình đã có dự trữ lương thực, thực phẩm trong mùa mưa bão. (T1 Kế Môn 90%, T2 Kế Môn 90%, T1 V</p>	<p>chơi của trẻ</p> <p>Tốc mái tôn trạm y tế</p> <p>Nhà tốc mái</p> <p>Nhà sập</p> <p>Người chết</p> <p>Hư hại nhà văn hóa thôn</p>
--	--	--	---

		<p>dự trữ lương thực, thực phẩm trong mùa bão, lụt (T1 Kế Môn 10%, T2 Kế Môn 10%, T1 V Xương 10%, T2 V Xương 10%)</p> <p>- Có 5% hộ chưa có các phương tiện nghe, nhìn để nhận biết các thông tin cảnh báo(T1 Kế Môn 10%, T2 Kế Môn 10%,)</p> <p>- Có 5% người dân không nghe được thông tin cảnh báo do hệ thống truyền thanh các thôn bị xuống cấp, truyền thanh không tới người dân. (T1 Kế Môn 5%, T2 Kế Môn 5%, T1 V Xương 5%, T2 V Xương 5%)</p> <p>SẢN XUẤT KINH DOANH</p> <p>- Có 42 hộ buôn bán cơ sở mua bán chưa được kiên cố (1 Vĩnh Xương 6, 2 Vĩnh Xương 5, 1 Kế Môn 11, 2 Kế Môn 20)</p> <p>- Có 2 hộ làm nghề mộc có cơ sở sản xuất chưa được kiên cố (T2 Kế Môn 2)</p> <p>- Có 331,77 ha đất rừng ở trong vùng tác động trực tiếp của gió bão (T1 V Xương 52,72, T2 V Xương 70,3, T1 Kế Môn 105,45, T2 Kế Môn 103,3)</p> <p>- Có 66,8 ha rừng tự nhiên</p> <p>- Có 90 ha đất trồng lúa ở trong vùng tác động trực tiếp của gió bão (T1 V Xương 50 ha, T2 V Xương 40 ha)</p>	<p>Xương 90%, T2 V Xương 90%)</p> <p>SẢN XUẤT KINH DOANH</p> <p>- Có 3 hộ buôn bán cơ sở mua bán kiên cố an toàn (T1 V Xương 1, T2 V Xương 2)</p> <p>- 80% người dân tham gia trồng trọt</p> <p>- Có 100% hộ có chuồng trại ở vùng cao, khi bão/lụt đưa trâu/bò lên (</p> <p>- Có 25 hộ chăn nuôi lợn đã xây chuồng cao, an toàn cho lợn khi lũ về (T1 Kế Môn 10, T2 Kế Môn 15)</p> <p>- Có 7 hộ chăn nuôi gà nhốt chuồng. (T1 Kế Môn 5, T2 Kế Môn 2)</p> <p>- Có 30 ghe (có máy) đánh bắt cá trên sông (T2 Kế Môn 30)</p> <p>- 80 người đánh bắt cá trên sông biết bơi (T2 Kế Môn 80)</p> <p>Có 60 % người dân có kiến thức và áp dụng KHKT về trồng trọt và chăn nuôi vào sản xuất(trong đó nữ chiếm 80%)</p>	<p>Một số hộ dân chưa nghe được thông tin</p> <p>Hàng hóa ướt/hư hại</p> <p>Cây rừng gãy</p>
Rét	Những năm sau này rét ít hơn	<p>SẢN XUẤT KINH DOANH</p> <p>Có. 90 ha đất trồng lúa ở vùng thường xuyên bị rét</p> <p>Có 349 con bò nuôi trong vùng</p>	<p>90% hộ có chuồng trại an toàn</p>	<p>Bò chết</p>

		tác động của rét		
Nhiệt độ tăng/ Nắng nóng	Ngày một nhiều hơn	7,8 ha đất trồng ném trên cát ở vùng cao, chưa có hệ thống tưới (không có điện)		Ném chết

3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá





Cộng cư 1 / Lịch sử thiên tai - Xã Điện Mũi

Tháng / Năm	Loại thiên tai	Đặc điểm / Số lượng / Tác hại	Nguyên nhân / Nguyên nhân	Tác hại / Thiệt hại	Đề xuất / Biện pháp / Phòng chống	
11/2011	Lũ	Thiệt hại nặng	2 trận	- Núi (c. 20%) H, T, K, L - Đỉnh núi 1, 2 - Sản phẩm 1967	- Khu vực bị ngập lụt - Ung thư nước - Bị ngập	-
6/2016	Lũ			- Cây nứa (15 cây, 15 cây) - Nhà kho hàng màu - Nhà kho hàng màu	- Vùng ngập lụt - Nhà kho hàng màu	- 3 thanh niên tử nạn
5/2002	Sét		- Trận 1	- 1 người chết (núi)	- Bị chết do dòng lũ dâng	
5/2011	Sét		- Trận 1	- Hàng rào bị đổ nát - Hàng rào bị	- Cao - Hàng rào bị đổ nát	
2013	Bão		- Trận 1, 2	- Nhà C (t. 20%), T (núi)	- Khu vực bị ngập - Khu vực bị ngập	- Các cơ sở nhà ở - Tràn nhà ở trên biển
1/2012	Rủi		- Trận 1, 2	- Núi (T, K, L, T, K, L)	- Hàng rào bị đổ nát	- Các khu vực bị ngập - Bị ngập

Cộng cư 3 / Lịch sử thiên tai - Xã Điện Mũi

Tháng / Năm	Loại thiên tai	Đặc điểm / Số lượng / Tác hại	Nguyên nhân / Nguyên nhân	Tác hại / Thiệt hại	Đề xuất / Biện pháp / Phòng chống
Lũ					
Bão					
Rủi					
Sét					
Hàng rào					
Núi					
Sông					
Núi					
Lũ					
Sông					
Lũ					
Sông					
Lũ					
Sông					
Lũ					
Sông					
Lũ					
Sông					

Cộng cư 4 / Lịch sử thiên tai - Xã Điện Mũi

Hàng mục	Diễn biến	Diễn biến
HÀNG LƯU / RETENTION XXX	- Hàng rào bị đổ nát - Hàng rào bị đổ nát - Hàng rào bị đổ nát	- Hàng rào bị đổ nát - Hàng rào bị đổ nát - Hàng rào bị đổ nát
HỆ THỐNG THÔNG TIN	- Hàng rào bị đổ nát - Hàng rào bị đổ nát - Hàng rào bị đổ nát	- Hàng rào bị đổ nát - Hàng rào bị đổ nát - Hàng rào bị đổ nát
CÔNG TRÌNH BKT	- Hàng rào bị đổ nát - Hàng rào bị đổ nát - Hàng rào bị đổ nát	- Hàng rào bị đổ nát - Hàng rào bị đổ nát - Hàng rào bị đổ nát
PHƯƠNG CÁN SỬ TÀI CHẾ	- Hàng rào bị đổ nát - Hàng rào bị đổ nát - Hàng rào bị đổ nát	- Hàng rào bị đổ nát - Hàng rào bị đổ nát - Hàng rào bị đổ nát
Y THỰC NGƯỜI DÂN	- Hàng rào bị đổ nát - Hàng rào bị đổ nát - Hàng rào bị đổ nát	- Hàng rào bị đổ nát - Hàng rào bị đổ nát - Hàng rào bị đổ nát

XẾP HẠNG KRTT CỘNG

RỦI RO	SỐ PHỤ NỮ	SỐ NAM	TỔNG PHỤ	XẾP HẠNG
LŨA CHẾT	127	98	225	1
SÀN HƯ/HÔI	78	68	146	4
HÀNG MÀU HƯ	74	78	152	3
NEM CHẾT	73	55	128	5
LŨA HẢI HƯ	59	60	119	6
LŨA CHẾT	55	45	100	8
CÁNH VIT CHẾT	73	37	110	7
LÔNG CÁ TRỜI	54	39	93	10
NHÀ SẬP TỬ MÃI	105	57	162	2
NGƯỜI CHẾT	31	15	46	11
HÀNG HÓA HƯ/HẢI	62	33	95	9

Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai ⁴

Khái niệm

Đánh giá rủi ro là “Một phương pháp xác định bản chất và mức độ rủi ro bằng cách phân tích các thiên tai có thể xảy ra và đánh giá các điều kiện hiện tại của tình trạng dễ bị tổn thương mà có thể gây hại cho con người, tài sản, các dịch vụ, các hoạt động sinh kế và môi trường trong khu vực nguy hiểm.” (UNISDR, 2009 và dự thảo Thuật ngữ 2016).

Giới thiệu Nội dung cơ bản trong đánh giá rủi ro thiên tai, khí hậu

A. Các loại hình thiên tai phổ biến và tần suất, cường độ



- Dạng và loại hình thiên tai, thời tiết cực đoan tại xã
- Các đặc điểm trong quá khứ, tần suất và cường độ thiên tai xảy ra
- Xu hướng biến đổi khí hậu và thiên tai trong tương lai của xã

B. Người dân, cơ sở vật chất và sinh kế trong các vùng thiên tai của xã (Exposures)



- Phân bố dân cư và cơ sở vật chất, sinh kế của xã theo không gian/địa bàn thiên tai

C. Tình trạng dễ tổn thương và năng lực của người dân, cơ sở vật chất và sinh kế



- Hiện trạng và đặc điểm dân cư, cơ sở vật chất và sinh kế
- Nguyên nhân, năng lực, điểm mạnh yếu của dân cư, cơ sở vật chất, và sinh kế tại các vùng thiên tai trong xã

D. Mức độ Rủi ro với thiên tai và khí hậu của người dân, cơ sở vật chất và sinh kế tại xã



- Đánh giá, phân lớp các rủi ro thiên tai khí hậu và mức độ rủi ro cho từng ngành/lĩnh vực theo nhu cầu
- Có thể bản đồ hóa các lớp thông tin đánh giá dựa trên kết quả của xã

Việc đánh giá rủi ro thiên tai⁵ bao gồm nhận định và phân tích các nội dung liên quan đến:

- nhận định đặc điểm của các hiện tượng thiên tai như vị trí, tần suất, cấp độ, cường độ và xác suất xảy ra;
- phân tích mức độ bị phơi bày của người và sự vật với các hiện tượng thiên tai;
- phân tích điều kiện dễ bị tổn thương của người và sự vật với các hiện tượng thiên tai đó ở mọi góc độ xã hội, y tế, kinh tế, môi trường;
- đánh giá hiệu quả năng lực sẵn có hoặc các năng lực thay thế (dự phòng) để có thể đối phó với các tình huống thiên tai khác nhau⁶;

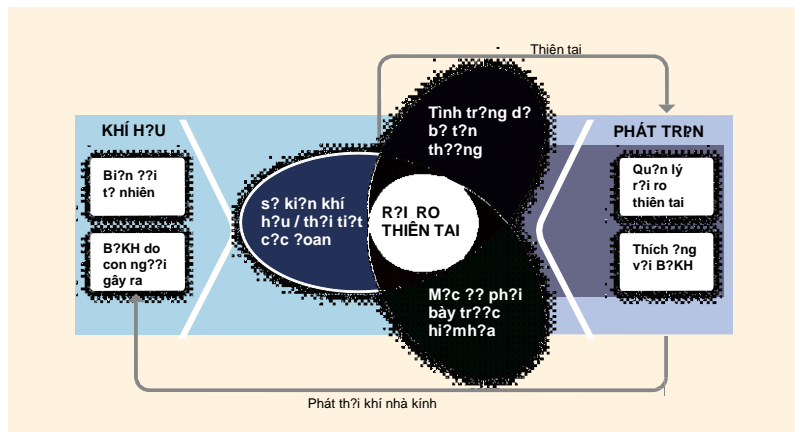
Việc đưa ra định nghĩa hay khái niệm về đánh giá rủi ro thiên tai chỉ mang tính tương đối và còn chưa hoàn toàn nhất

⁴ Nguồn tham khảo: Dự thảo hướng dẫn của UNDP-BỘ NN&PTNT – Tài liệu kỹ thuật về Quản lý rủi ro thiên tai và Thích ứng với Biến đổi khí hậu)

⁵ Các hoạt động này cũng còn được gọi là quá trình phân tích rủi ro (Dự thảo Sổ tay thuật ngữ về rủi ro thiên tai, 2016)

⁶ Trong nhiều trường hợp, người ta coi năng lực là điều kiện đối ngược của tình trạng dễ bị tổn thương. Vì vậy, trên thực tế có nhiều phương pháp đánh giá không tách biệt đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương ra khỏi việc phân tích đánh giá năng lực.

quán về cách tiếp cận và phương pháp⁷. Bản thân công tác quản lý rủi ro thiên tai cũng còn khá mới so với các lĩnh vực phát triển khác trên toàn cầu (khoảng từ đầu những năm 1990). Tại các quốc gia, việc quản lý rủi ro thiên tai trong những thập kỷ trước kia đa phần tập trung nhiều vào các công tác ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai hơn là coi đây là một mặt của vấn đề phát triển.



Đánh giá rủi ro thiên tai có thể được thực hiện ở các quy mô khác nhau (toàn cầu, quốc gia, tỉnh, thành phố/thị trấn, huyện, xã, thôn) và có thể được thực hiện cho các lĩnh vực khác nhau.

Nội dung đánh giá

Có bốn nội dung đánh giá rủi ro phải đề cập tới, đó là:

Đánh giá Thiên tai⁸: nhận biết những thiên tai nào gây ảnh hưởng tới cộng đồng, mô tả bản chất và diễn biến của mỗi thiên tai trên khía cạnh tần suất, cường độ, xuất hiện theo mùa, vị trí, dấu hiệu cảnh báo, khả năng cảnh báo sớm và hiểu biết chung của mọi người về thiên tai.

Về bản chất, thiên tai có thể chia làm hai loại: (i) các hiện tượng thiên tai tự nhiên như lũ, bão, hạn hán và động đất có khả năng gây ra các ảnh hưởng tiêu cực đến người và tài sản; và các hiện tượng thiên tai do các quy trình quá trình hoạt động sản xuất của con người gây ra như quá trình đô thị hóa, suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu, v.v. Các quy trình/quá trình này hiện nay ngày càng diễn biến phức tạp và khó tách biệt về mặt bản chất của hiện tượng là do tự nhiên hay con người gây ra.

Thiên tai khác nhau về mức độ, quy mô, tần suất và thường được phân loại theo các nguyên nhân gây ra thiên tai khác nhau như địa lý, thủy văn, khí tượng và khí hậu.

Các kiến thức về thiên tai thường có thể thu thập từ các nguồn như:

- Các kinh nghiệm truyền thống, bản địa và kiến thức địa phương
- Các báo cáo nghiên cứu đánh giá khoa học kỹ thuật
- Các báo cáo theo dõi giám sát về dịch vụ khí tượng thủy văn
- Các mô hình khí tượng thủy văn, mô hình phân loại phân vùng thiên tai.

Đánh giá mức độ phơi bày trước thiên tai (Exposure): nhận biết mức độ hiện diện của con người và tài sản (như sinh kế, các dịch vụ môi trường và các nguồn tài nguyên, cơ sở hạ tầng, các tài sản kinh tế, xã hội và văn hóa v.v.) (chính sửa từ SREX, Chương 2).

Các kiến thức về mức độ phơi bày thường có thể thu thập từ các kết quả điều tra dân số, ảnh vệ tinh, dữ liệu GIS, các báo cáo quy hoạch kế hoạch và các kinh nghiệm lịch sử về các sự kiện thiên tai. v.v. Các thông tin này thường được thể hiện dưới dạng bản đồ, bao gồm:

- Bản đồ phân bố theo không gian (địa phương, vùng.v.v) và thời gian (ngày/tháng/năm) về người và cơ sở hạ tầng, ví dụ: bản đồ hệ sinh thái, cơ sở hạ tầng, bản đồ sử dụng đất, bản đồ hành chính và dân số, v.v.
- Bản đồ phân vùng thiên tai lũ, bão, hạn hán v.v. theo không gian và thời gian

Mức độ phơi bày trước thiên tai chỉ là một điều kiện cần nhưng không phải là đủ để quyết định khả năng chịu rủi ro thiên tai. Quy mô về tần suất, thời gian và không gian phơi bày trước thiên tai cũng rất quan trọng. Cùng sinh sống tại vùng lũ lụt, nhưng khả năng rủi ro với hộ dân ở vùng cao và vùng trũng là khác nhau hay nói cách khác, mức độ chịu ảnh hưởng của lũ lụt của hộ dân ở khu vực ở cùng trũng sẽ cao hơn hộ dân ở vùng cao. Nếu một người chỉ đến một nơi bị nào đó bị bão, mức độ phơi bày trước bão của người đó tăng lên. Nếu người đó phải liên tục di chuyển trong vùng lũ, họ sẽ có nguy cơ cao gặp nhiều rủi ro lũ lụt. Ngược lại, nếu được cảnh báo sớm và những người dân được sơ tán kịp thời, mức độ phơi bày trước thiên tai của họ giảm đi (IPCC, 2012 trang 237).

Ví dụ, để đối phó với cơn bão Damrey (cơn bão số 7 năm 2005), Huyện Hậu Lộc (tỉnh Thanh Hóa) đã di dời được 29.000 dân trong vòng 3 ngày trước bão (từ ngày 24 đến ngày 26/9/2005) lên các nhà kiên cố cao tầng trong thôn, trường học và khu hành chính ở trên thị trấn (JANI, 2011 trang 26). Tương tự như vậy, việc di dời 60.000 dân (khoảng 16.000 hộ gia

⁷ Hiện nay UNISDR đang tiến hành tổng hợp sổ tay thuật ngữ mới trong công tác giảm rủi ro thiên tai (http://www.preventionweb.net/files/47136_workingtextonterminology.pdf). Việc đưa ra định nghĩa về đánh giá rủi ro thiên tai về bản chất chỉ mang tính tương đối. Dựa vào mục đích đánh giá khác nhau, việc đánh giá RRTT sẽ có cách tiếp cận và phương pháp khác nhau chứ không cố định ở một số quy tắc nhất định.

⁸ Trong bài viết tác giả dùng từ Hiểm họa – Hazard, là một khái niệm dành cho các nhà nghiên cứu, để dễ hiểu và đồng nhất với các chương khác, ban biên tập chuyển thành thuật ngữ “Thiên tai”.

đình) kịp thời ở tỉnh Quảng Nam trước cơn bão số 9 (bão Ketsana) cuối tháng 9 năm 2009 đã giảm thiểu mức thiệt hại về người và tài sản của nhân dân và chính quyền (JANI, 2011 trang 28).

Đánh giá Tình trạng dễ bị tổn thương (Vulnerability): là việc nhận biết các điều kiện tự nhiên, xã hội, kinh tế và môi trường hoặc các đặc điểm của các quá trình/quy trình hoạt động sản xuất của con người, mà vì các điều kiện/đặc điểm đó có khả năng làm tăng nguy cơ một cá nhân và/hoặc cộng đồng phải chịu tác động đến các thiên tai khác nhau (UNISDR, 2004; Dự thảo Thuật ngữ 2016).

Các nguồn thông tin kiến thức chủ yếu liên quan đến tình trạng dễ bị tổn thương thường được thu thập từ:

- Các kiến thức địa phương, kinh nghiệm bản địa
- Các chỉ số kinh tế xã hội của địa phương, chính quyền
- Các báo cáo đánh giá phân tích kinh tế, tài chính, báo cáo xã hội học (nhân chủng, dân tộc, văn hóa, hệ chính trị, v.v)

Việc đánh giá này nhằm nhận biết ai, cái gì chịu rủi ro đối với mỗi loại thiên tai và tại sao chúng có rủi ro (phân tích nguyên nhân căn bản). Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương sẽ giúp nhận biết được đâu là các cá nhân, hộ gia đình, các nhóm dân cư, tài sản và hoạt động sản xuất dễ chịu ảnh hưởng nhất từ thiên tai nào đó. Ví dụ: mặc dù cùng có nguy cơ thiên tai và mức độ phơi bày trước thiên tai như nhau, nhưng hộ nghèo thường sẽ dễ bị tác động tiêu cực của thiên tai hơn các hộ dân có điều kiện sống trung bình và khá giả.

Đánh giá tình trạng tổn thương là một trong hai điều kiện đủ để có thể xác định xem một cá nhân hay cộng đồng đang ở trên một địa bàn nhất định có bị tác động của thiên tai hay không. Ví dụ: Một hộ nông dân mà sinh kế chính của gia đình là nông nghiệp (dễ bị tổn thương với các điều kiện khí hậu, sinh kế phụ thuộc vào thời tiết), và sống ở vùng thường xuyên có lũ thì nhiều khả năng sẽ thường xuyên xảy ra mất mùa đói kém do lũ.

Trong thực tế, việc đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương là việc tập hợp nhiều điều kiện và đặc điểm có yếu tố bất lợi của một cá nhân hoặc một cộng đồng trong việc đối phó với thiên tai trên nhiều góc độ (tự nhiên, xã hội, kinh tế, môi trường, và quá trình/quy trình khác nhau). Một hộ dân càng có nhiều điều kiện dễ bị tổn thương thì sẽ càng dễ có nguy cơ bị tổn thất với các thiên tai.

Đánh giá Năng lực (Capacity): là khái niệm để chỉ quá trình nhận biết và xác định các nguồn lực và năng lực của con người hoặc của cộng đồng nhằm phòng tránh, ứng phó và phục hồi từ những tác động của các thiên tai. Năng lực ở đây được hiểu bao gồm việc kiểm soát và quản lý các nguồn lực tài chính, tài nguyên thiên nhiên, các kiến thức, kinh nghiệm và chuyên môn trong việc quản lý tổ chức quy hoạch tại địa phương để quản lý, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và tăng cường khả năng chống chịu.

Việc đánh giá năng lực cũng được hiểu là quá trình tổng hợp các nguồn lực, điểm mạnh và đặc tính sẵn có trong từng cá nhân, cộng đồng, xã hội và tổ chức có thể được sử dụng nhằm giảm các rủi ro do một thiên tai nhất định gây ra. Năng lực có tính động và thay đổi tùy theo hoàn cảnh cụ thể. Việc đánh giá năng lực cũng được coi là điều kiện đủ thứ hai để xác định mức độ rủi ro thiên tai của cá nhân hoặc cộng đồng.

Lưu ý: Trong đánh giá rủi ro thiên tai, năng lực là khái niệm trái ngược với điều kiện dễ bị tổn thương. Năng lực dùng để chỉ các điểm mạnh/đặc điểm tích cực của người dân có thể thực hiện để đối phó với thiên tai. Tình trạng dễ bị tổn thương dùng để chỉ các điểm yếu/các điểm hạn chế mà người dân tại địa phương đang gặp phải khiến họ không thể giải quyết được các tác động tiêu cực trong hoàn cảnh thiên tai. Với mỗi cá nhân và cộng đồng khác nhau, năng lực cũng như tình trạng dễ bị tổn thương của họ là khác nhau.

Như vậy, đánh giá mức độ rủi ro thiên tai (Risk) là quá trình tổng hợp các đánh giá về thiên tai, mức độ phơi bày, các điều kiện dễ bị tổn thương và năng lực của cá nhân hoặc cộng đồng để đưa ra các nhận định, ước lượng về mức độ nguy cơ tổn thất mà thiên tai có thể gây ra về mặt kinh tế, xã hội, tự nhiên hay môi trường.

Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai là thước đo và phân loại các rủi ro thiên tai mà cá nhân, cộng đồng hay một hệ thống phải đối mặt. Đây là cơ sở cho kế hoạch giảm thiểu rủi ro của cộng đồng và các cơ quan nhà nước ở các cấp. Hiểu được rủi ro thiên tai, người ra có thể thiết lập thứ tự ưu tiên ở địa phương cho các hoạt động và phát triển cộng đồng sao cho các rủi ro và các chương trình khắc phục hậu quả có thể được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên của người dân để nắm được kiến thức ở địa phương và đảm bảo rằng các kế hoạch QLRRTT phù hợp với các vấn đề ở địa phương.